

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

MỤC LỤC

	<u>Trang</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	6 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	9
Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 28
Phụ lục I & II	29- 30

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nước và Môi trường Việt Nam trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Nước và Môi trường Việt Nam (gọi tắt là “Công ty”) trước đây là một bộ phận của Viện thiết kế quy hoạch thành phố - Bộ Kiến trúc, cùng với sự phát triển của đất nước qua từng thời kỳ, Công ty được mang các tên gọi khác nhau là Đội thiết kế công nghệ - Viện Thiết kế Quy hoạch thành phố thuộc Bộ Kiến trúc, Viện Thiết kế Công trình kỹ thuật Thành phố - Bộ Kiến trúc; Xí nghiệp thiết kế cấp thoát nước - Bộ Xây dựng. Năm 1993, Xí nghiệp được thành lập lại là Công ty Thiết kế Cấp thoát Nước, doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Bộ Xây dựng theo Quyết định số 55A/BXD - TCLĐ ngày 05 tháng 5 năm 1993 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Ngày 27 tháng 4 năm 1995, Công ty Thiết kế Cấp thoát nước đổi tên thành Công ty Tư vấn Cấp thoát nước và Môi trường Việt Nam. Ngày 31 tháng 5 năm 2002, Công ty Tư vấn Cấp thoát nước và Môi trường Việt Nam đổi tên thành Công ty Nước và Môi trường Việt Nam.

Công ty chuyển mô hình hoạt động thành Công ty Cổ phần theo Quyết định số 1427/QĐ-BXD của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ngày 16 tháng 10 năm 2006. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0103014795 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 28 tháng 11 năm 2006, đăng ký thay đổi lần 08 ngày 30 tháng 01 năm 2019 với mã số doanh nghiệp là 0100104972. Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan: Tư vấn, lập và thẩm tra báo cáo đầu tư, dự án đầu tư xây dựng công trình, khảo sát, thiết kế, dự toán và tổng dự toán; Tư vấn đấu thầu; Quản lý dự án; Giám sát thi công xây dựng cho các công trình cấp nước, thoát nước, chất thải rắn và vệ sinh môi trường; Công trình dân dụng và công nghiệp; Công trình giao thông; Công trình thủy lợi; Công trình hạ tầng kỹ thuật; Công trình cấp điện động lực, điện dân dụng, điện chiếu sáng, đường dây điện cao thế và trạm biến áp; Lập quy hoạch chuyên ngành cấp thoát nước và vệ sinh môi trường; lập quy hoạch hạ tầng kỹ thuật đô thị, lập quy hoạch chi tiết xây dựng cho: Đô thị, nông thôn và khu công nghiệp, khu công nghệ cao, cụm công nghiệp; Thiết kế, lập tổng dự toán và dự toán thẩm tra thiết kế các công trình dân dụng và công nghiệp; Hoạt động thăm dò địa chất, nguồn nước; Hoạt động đo đạc bản đồ; Khảo sát địa hình, địa chất công trình, môi sinh, môi trường, thí nghiệm không khí, đất và nước; Thí nghiệm chuyên ngành xây dựng; Kiểm định chất lượng công trình;
- Khai thác, xử lý và cung cấp nước;
- Xây dựng công trình công ích: đầu tư xây dựng các công trình cấp thoát nước và vệ sinh môi trường, các công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị, khu công nghiệp;

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 36.000.000.000 đồng.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: Vietnam Water, Sanitation and Environment Joint Stock Company. Tên viết tắt: VIWASE.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 5 Đường Thành, phường Cửa Đông, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Thanh Hải
Ông Nguyễn Như Hà

Chủ tịch (Bầu ngày 11/1/2019)
Chủ tịch (Miễn nhiệm từ ngày
11/01/2019)

Ông Lê Văn Tuấn
Ông Đoàn Nam Anh
Ông Phùng Ngọc Quang
Ông Nguyễn Bá Minh
Ông Nguyễn Thành Tài

Ủy viên
Ủy viên
Ủy viên
Ủy viên
Ủy viên

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập Báo cáo này gồm:

Ban Tổng Giám đốc	Ông Lê Văn Tuấn	Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Thành Tài	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Hiền Hoà	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Văn Nguyên	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Kiên Hùng	Phó Tổng Giám đốc

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính niên độ để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc,



Lê Văn Tuấn
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 18 tháng 03 năm 2019

Số: 212 /2019/BCKT-BCTC/CPA VIETNAM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬPVề Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018
của Công ty Cổ phần Nước và Môi trường Việt Nam

Kính gửi: **Các Cổ đông**
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Nước và Môi trường Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Nước và Môi trường Việt Nam, được lập ngày 18 tháng 03 năm 2019, từ trang 06 đến trang 30, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2018, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Phan Thanh Nam**Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1009-2018-137-1

Giấy Ủy quyền số: 02/2019/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2019 của Chủ tịch HĐQT

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM**Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế Moore Stephens**

Hà Nội, ngày 18 tháng 3 năm 2019

Nguyễn Ngọc Khánh**Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2999-2019-137-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2018	01/01/2018
			VND	VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		72.554.947.971	90.451.219.768
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	11.862.945.804	24.889.435.130
1. Tiền	111		6.512.945.804	9.889.157.368
2. Các khoản tương đương tiền	112		5.350.000.000	15.000.277.762
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.2	-	12.900.000.000
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2	-	12.900.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		50.052.431.014	39.671.077.153
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	35.130.525.158	26.302.332.794
2. Trả trước cho người bán	132	5.4	1.852.199.762	3.108.648.188
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135			
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	13.069.706.094	10.260.096.171
IV. Hàng tồn kho	140	5.6	9.551.536.716	12.681.470.763
1. Hàng tồn kho	141		9.551.536.716	12.681.470.763
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149			-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.088.034.437	309.236.722
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.7	636.845.727	275.945.891
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	5.14	15.081.796	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.14	436.106.914	33.290.831
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260)	200		38.171.247.485	27.576.125.038
II. Tài sản cố định	220		19.511.442.955	10.600.924.067
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	18.801.826.601	10.559.315.833
- Nguyên giá	222		22.978.526.745	13.867.974.825
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(4.176.700.144)	(3.308.658.992)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.9	709.616.354	41.608.234
- Nguyên giá	228		1.090.797.838	288.859.900
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(381.181.484)	(247.251.666)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		12.264.946.832	9.698.234.836
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.10	12.264.946.832	9.698.234.836
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.11	6.394.857.698	7.276.966.135
1. Đầu tư vào công ty con	251			-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		4.175.749.605	5.057.749.605
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		2.375.000.000	2.375.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(155.891.907)	(155.783.470)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		110.726.195.456	118.027.344.806

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2018	01/01/2018
			VND	VND
C. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		53.187.374.258	53.582.683.266
I. Nợ ngắn hạn	310		53.187.374.258	53.582.683.266
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	3.935.074.418	5.616.599.325
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.13	15.705.407.650	17.317.779.426
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.14	-	870.488.369
4. Phải trả người lao động	314		8.034.843.244	12.866.819.368
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.15	520.471.750	154.000.000
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		40.316.587	88.696.487
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.16	22.741.649.489	15.138.189.171
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.209.611.120	1.530.111.120
II. Nợ dài hạn	330		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		57.538.821.198	64.444.661.540
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.17	57.528.821.198	64.434.661.540
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		36.000.000.000	36.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		36.000.000.000	36.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		28.754.235	28.754.235
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		14.080.149.036	7.580.149.036
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		7.419.917.927	20.825.758.269
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		1.675.758.269	1.834.192.648
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		5.744.159.658	18.991.565.621
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		10.000.000	10.000.000
1. Nguồn kinh phí	431		10.000.000	10.000.000
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		110.726.195.456	118.027.344.806

Hà Nội, ngày 18 tháng 03 năm 2019

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Lê Văn Tuấn

Lê Thị Thu Hương

Ngô Lan Phương

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2018	Năm 2017
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.18	130.204.554.686	143.959.798.401
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		130.204.554.686	143.959.798.401
4. Giá vốn hàng bán	11	5.19	114.688.928.502	125.592.564.163
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		15.515.626.184	18.367.234.238
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.20	1.778.013.640	17.855.565.022
7. Chi phí tài chính	22	5.21	157.828.482	23.055.674
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		10.683.952.787	13.329.564.721
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21-22) + 24 - (25+26)}	30		6.451.858.555	22.870.178.865
11. Thu nhập khác	31	5.22	595.782.631	768.558.192
12. Chi phí khác	32	5.22	-	71.690.334
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	5.22	595.782.631	696.867.858
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		7.047.641.186	23.567.046.723
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.23	1.303.481.528	4.575.481.102
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		5.744.159.658	18.991.565.621
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.24	1.596	5.275

Hà Nội, ngày 18 tháng 03 năm 2019

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Lê Thị Thu Hương

Ngô Lan Phương

Lê Văn Tuấn

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(theo phương pháp gián tiếp)
 Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2018

CHỈ TIÊU	MS	Năm 2018	Năm 2017
		VND	VND
1	2	3	4
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. <i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01	7.047.641.186	18.991.565.621
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	1.001.970.970	704.736.567
- Các khoản dự phòng	03	108.437	(19.882.100)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	1.415.455	155.453
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(1.684.437.996)	(17.852.179.792)
3. <i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>		6.366.698.052	1.824.395.749
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(10.396.435.657)	(8.660.475.926)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	3.129.934.047	(1.494.100.377)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	1.026.429.108	17.990.549.291
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(360.899.836)	435.162.897
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(1.910.821.170)	(3.816.106.979)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20	(2.145.095.456)	6.279.424.655
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(7.686.416.411)	(11.011.853.109)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	3.000.000.000
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26	1.058.400.000	26.410.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.508.037.996	2.006.179.792
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30	(5.119.978.415)	20.404.326.683
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(5.760.000.000)	(10.080.000.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40	(5.760.000.000)	(10.080.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	(13.025.073.871)	16.603.751.338
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	24.889.435.130	8.285.839.245
<i>Ảnh hưởng của thay đổi TGHD quy đổi ngoại tệ</i>	61	(1.415.455)	(155.453)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	11.862.945.804	24.889.435.130

Người lập



Lê Thị Thu Hương

Kế toán trưởng



Ngô Lan Phương

Hà Nội, ngày 18 tháng 03 năm 2019

Tổng Giám đốc



Lê Văn Tuấn

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09 - DN

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Nước và Môi trường Việt Nam (gọi tắt là “Công ty”) trước đây là một bộ phận của Viện thiết kế quy hoạch thành phố - Bộ Kiến trúc, cùng với sự phát triển của đất nước qua từng thời kỳ, Công ty được mang các tên gọi khác nhau là Đội thiết kế công nghệ - Viện Thiết kế Quy hoạch thành phố thuộc Bộ Kiến trúc, Viện Thiết kế Công trình kỹ thuật Thành phố - Bộ Kiến trúc; Xí nghiệp thiết kế cấp thoát nước - Bộ Xây dựng. Năm 1993, Xí nghiệp được thành lập lại là Công ty Thiết kế Cấp thoát Nước, doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Bộ Xây dựng theo Quyết định số 55A/BXD - TCLĐ ngày 05 tháng 5 năm 1993 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Ngày 27 tháng 4 năm 1995, Công ty Thiết kế Cấp thoát nước đổi tên thành Công ty Tư vấn Cấp thoát nước và Môi trường Việt Nam. Ngày 31 tháng 5 năm 2002, Công ty Tư vấn Cấp thoát nước và Môi trường Việt Nam đổi tên thành Công ty Nước và Môi trường Việt Nam.

Công ty chuyển mô hình hoạt động thành Công ty Cổ phần theo Quyết định số 1427/QĐ-BXD của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ngày 16 tháng 10 năm 2006. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0103014795 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 28 tháng 11 năm 2006, đăng ký thay đổi lần 08 ngày 30 tháng 01 năm 2019 với mã số doanh nghiệp là 0100104972.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 36.000.000.000 đồng. Cổ phiếu của Công ty đang được lưu ký tại Trung tâm lưu ký chứng khoán và giao dịch trên sàn UpCOM với mã VWS.

Sở hữu vốn tại 31/12/2018:

<u>Cổ đông</u>	<u>Số cổ phần</u>	<u>VND</u>	<u>Tỷ lệ sở hữu</u>
Tổng Công ty Tư vấn Xây dựng Việt Nam - CTCP	1.272.600	12.726.000.000	35,35%
Các cổ đông khác	2.327.400	23.274.000.000	64,65%
Tổng	3.600.000	36.000.000.000	100%

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 5 Đường Thành, phường Cửa Đông, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Số lao động bình quân trong năm 2018: 283 người (năm 2017: 291 người).

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan: khảo sát địa hình, địa chất, địa chất công trình, địa chất thủy văn, môi sinh, môi trường, thí nghiệm không khí, đất và nước; thiết kế, lập tổng dự toán và dự toán và thẩm tra thiết kế, tổng dự toán và dự toán các công trình dân dụng công nghiệp; tư vấn, tổng thầu tư vấn, khảo sát, thiết kế, quản lý dự án các công trình cấp, thoát nước, chất thải rắn và vệ sinh môi trường, bao gồm: lập và thẩm tra các Báo cáo đầu tư, dự án đầu tư xây dựng công trình, hồ sơ thiết kế, tổng dự toán; tư vấn đầu thầu và hợp đồng kinh tế về tư vấn, xây lắp, cung cấp vật tư, thiết bị, tư vấn quản lý dự án, tư vấn giám sát thi công lắp đặt; thiết kế điện động lực, điện dân dụng, điện chiếu sáng, đường dây tải điện và trạm biến thế điện; quản lý thực hiện các dự án đầu tư xây dựng; giám sát thi công xây dựng; lập quy hoạch chuyên ngành cấp thoát nước và vệ sinh môi trường, quy hoạch hạ tầng kỹ thuật đô thị, khu công nghiệp; tổng thầu thực hiện các dự án cấp thoát nước theo hình thức chìa khoá trao tay;
- Khai thác, xử lý và cung cấp nước;
- Xây dựng công trình công ích: đầu tư xây dựng các công trình cấp thoát nước và vệ sinh môi trường, các công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị, khu công nghiệp.

Hoạt động chính của Công ty là: tư vấn, tổng thầu tư vấn, lập quy hoạch chuyên ngành, khảo sát, thiết kế, quản lý các công trình cấp nước, thoát nước, dân dụng và hạ tầng kỹ thuật, chất thải rắn và vệ sinh môi trường.

1.3. Cấu trúc doanh nghiệp:

Công ty có đơn vị trực thuộc và các công ty liên doanh, liên kết như sau:

Chi nhánh Công ty tại thành phố Hồ Chí Minh (VIWASE-HCM) được thành lập theo quyết định số 18/QĐ-VIWASE-HĐQT ngày 13/11/2017; Địa chỉ: Phòng số 2.29, 2.30 Khu văn phòng, tầng 2, Novaland Kingston Residence, số 146 Nguyễn Văn Trỗi, Phường 8, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh. Hình thức tổ chức công tác kế toán của Chi nhánh: Hạch toán phụ thuộc.

Chi tiết khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ % sở hữu	Tỷ lệ % quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty CP Nước, Môi trường và HTKT Sài Gòn	Số 179 Đinh Tiên Hoàng, phường Dakao, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh	48,81%	48,81%	Tư vấn
Công ty CP TV và ĐTXD Hạ tầng Phương Đông	Số 9 Đường Thành, phường Cửa Đông, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội	48,97%	48,97%	Tư vấn
Công ty CP TV và ĐTXD Hạ tầng Lạc Việt	Số 9 Đường Thành, phường Cửa Đông, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội	44,48%	44,48%	Tư vấn

2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn) và các khoản tương đương tiền

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh liên kết và đầu tư khác

- Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh: Các khoản đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

- Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi các công ty này bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư vào các công ty này (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư). Mức trích lập dự phòng tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế theo hướng dẫn tại Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết). Khoản phải thu này gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác. Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.
- Phải thu nội bộ gồm các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo Tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: Là giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán. Lập dự phòng nợ phải thu khó đòi thực hiện theo quy định tại Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp nhập trước xuất trước.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình

Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 và Thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 quy định về quản lý tài sản cố định.

a. Nguyên tắc kế toán

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

b. Phương pháp khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể của các loại tài sản cố định được thực hiện theo Quyết định số 22/QĐ-VIWASE-HĐQT ngày 07/11/2018 của Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Nước và Môi trường Việt Nam:

	<u>Thời gian khấu hao</u> <u>(số năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	40
Máy móc, thiết bị	05 - 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10 - 30
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05
Tài sản cố định vô hình	05

Nguyên tắc kế toán chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước: được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán căn cứ vào thời gian trả trước của từng hợp đồng.

Chi phí trả trước dài hạn liên quan đến công cụ và dụng cụ được phản ánh ban đầu theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng và phân bổ không quá 24 tháng.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết). Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.
- Phải trả nội bộ gồm các khoản phải trả các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm: doanh thu nhận trước (như: số tiền thu trước của khách hàng trong nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản, cơ sở hạ tầng, khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ); và các khoản doanh thu chưa thực hiện khác (như: khoản chênh lệch giữa giá bán hàng trả chậm, trả góp theo cam kết với giá bán trả tiền ngay, khoản doanh thu tương ứng với giá trị hàng hóa, dịch vụ hoặc số phải chiết khấu, giảm giá cho khách hàng trong chương trình khuyến mại).

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông và trích lập các quỹ theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu thương mại

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư bán trong năm (kể cả chi phí khấu hao; chi phí sửa chữa;) được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong năm.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

- Các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính.
- Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan: Công ty Mẹ, các Công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty chỉ có một bộ phận kinh doanh là: tư vấn, tổng thầu tư vấn, lập quy hoạch chuyên ngành, khảo sát, thiết kế, quản lý các công trình cấp nước, thoát nước, dân dụng và hạ tầng kỹ thuật, chất thải rắn và vệ sinh môi trường, xây dựng công trình công ích và một bộ phận địa lý là Việt Nam nên không lập Báo cáo bộ phận.

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.2 Đầu tư tài chính ngắn hạn

	31/12/2018 (VND)		01/01/2018 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn				
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN - CN Hà Nội	-	-	5.800.000.000	5.800.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	-	-	5.000.000.000	5.000.000.000
Ngân hàng TMCP Quân đội Việt Nam - CN Điện Biên Phủ	-	-	2.100.000.000	2.100.000.000
Tổng	-	-	12.900.000.000	12.900.000.000

5.3 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Công ty TNHH Haskoning DHV Việt Nam	957.721.099	2.076.803.669
Công ty TNHH MTV thoát nước PTĐT BRVT	1.079.875.535	1.049.367.100
Công ty TNHH MTV nước sạch Hà Nội	4.583.186.720	3.947.417.336
Ban QL các DA ĐTCSHT ưu tiên Đà Nẵng	-	8.958.147.000
Ban QLDA thoát nước & xử lý nước thải Thành phố Hạ Long	1.788.294.719	2.716.394.971
Trung tâm nước sinh hoạt và VSMT nông thôn Vĩnh Phúc	851.033.000	864.204.000
Công ty TNHH Long Phương - DA BT NMN Mặt Bắc Ninh - KCN Hạp Lĩnh, TP. Bắc Ninh - Tỉnh Bắc Ninh	1.607.998.600	1.015.480.000
BQL ĐTXD công trình giao thông thành phố HCM	10.334.653.024	-
Công ty CP nước sạch Bắc Ninh	1.155.188.000	-
Công ty CP cấp nước tỉnh Lào Cai	3.026.748.758	-
Black and Veatch International	1.529.768.860	-
Các đối tượng khác	8.216.056.843	5.674.518.718
Tổng	35.130.525.158	26.302.332.794

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
a) Trả trước cho người bán ngắn hạn	1.647.421.098	2.012.398.232
Công ty TNHH TVXD Meinhardt Vietnam	-	1.101.384.354
Công ty CP TV Đầu tư XD Việt Vương	1.449.814.270	-
Các đối tượng khác	197.606.828	911.013.878
b) Trả trước cho người bán ngắn hạn là các bên liên quan	204.778.664	1.096.249.956
Công ty CP Nước, Môi trường và HTKT Sài Gòn (SaiGon Weico)	-	679.451.368
Công ty CP Đầu tư, Công nghệ Môi trường và HTKT Lạc Việt	204.778.664	416.798.588
Tổng	1.852.199.762	3.108.648.188

5.5 Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2018 (VND)		01/01/2018 (VND)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Phải thu ngắn hạn khác	1.511.113.094	-	1.128.952.171	-
Phải thu người lao động	1.043.053.422	-	574.309.242	-
Phải thu về thuế TNCN	185.914.395	-	317.971.981	-
Phải thu khác	282.145.277	-	236.670.948	-
b) Tiền cổ tức	2.520.000.000	-	4.877.082.000	-
c) Tạm ứng CBNV	9.038.593.000	-	4.254.062.000	-
Tổng	13.069.706.094	-	10.260.096.171	-

5.6 Hàng tồn kho

	31/12/2018 (VND)		01/01/2018 (VND)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Công cụ, dụng cụ	-	-	-	-
Chi phí SXKD dở dang	9.551.536.716	-	12.681.470.763	-
Tổng	9.551.536.716	-	12.681.470.763	-

5.7 Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Số đầu năm	275.945.891	711.108.788
Phát sinh tăng do đưa vào sử dụng phải phân bổ	636.845.727	275.945.891
Phát sinh giảm	275.945.891	711.108.788
- Kết chuyển vào chi phí	275.945.891	711.108.788
Số cuối năm	636.845.727	275.945.891

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

5.8 Tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Máy móc thiết bị	Tổng
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2018	7.785.417.516	5.424.230.935	658.326.374	13.867.974.825
Tăng trong năm				-
Mua sắm, đầu tư XDCB	4.588.523.924	4.398.415.723	123.612.273	9.110.551.920
Giảm trong năm	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2018	12.373.941.440	9.822.646.658	781.938.647	22.978.526.745
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 01/01/2018	1.521.091.744	1.298.394.385	489.172.863	3.308.658.992
Tăng trong năm				-
Khấu hao trong năm	266.517.561	539.509.599	62.013.992	868.041.152
Giảm trong năm	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2018	1.787.609.305	1.837.903.984	551.186.855	4.176.700.144
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 01/01/2018	6.264.325.772	4.125.836.550	169.153.511	10.559.315.833
Tại ngày 31/12/2018	10.586.332.135	7.984.742.674	230.751.792	18.801.826.601

Nguyên giá của tài sản cố định đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng đến thời điểm 01/01/2018 với giá trị là 570.624.348 đồng, tại 31/12/2018 là 692.115.348 đồng.

5.9 Tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Phần mềm máy tính	Tổng
NGUYÊN GIÁ		
Số dư tại 01/01/2018	288.859.900	288.859.900
Mua sắm	801.937.938	801.937.938
Số dư tại 31/12/2018	1.090.797.838	1.090.797.838
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư tại 01/01/2018	247.251.666	247.251.666
Khấu hao trong năm	133.929.818	133.929.818
Số dư tại 31/12/2018	381.181.484	381.181.484
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Số dư tại 01/01/2018	41.608.234	41.608.234
Số dư tại 31/12/2018	709.616.354	709.616.354

Nguyên giá của tài sản đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng đến thời điểm 01/01/2018 với giá trị là 0 đồng, tại 31/12/2018 là 147.991.900 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.10 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2018 (VND)		01/01/2018 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
a) Mua sắm tài sản cố định	12.264.946.832	12.264.946.832	7.231.531.572	7.231.531.572
- Căn hộ MS K-07.12B thuộc Tòa nhà Novaland Kingston Residence	3.811.692.097	3.811.692.097	3.774.322.566	3.774.322.566
- Văn phòng K-02.29 & K-02.30 thuộc Tòa nhà Novaland Kingston Residence	-	-	3.457.209.006	3.457.209.006
- Sàn văn phòng thuộc Dự án đầu tư XD lại khu Tập thể cũ 97-99 Láng Hạ	8.453.254.735	8.453.254.735	-	-
b) Hệ thống cấp nước Thị trấn Như Quỳnh, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên	-	-	2.466.703.264	2.466.703.264
Tổng	12.264.946.832	12.264.946.832	9.698.234.836	9.698.234.836

5.11 Đầu tư tài chính dài hạn

Nội dung	31/12/2018 (VND)			01/01/2018 (VND)		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	4.175.749.605	4.175.749.605	-	5.057.749.605	5.057.749.605	-
Công ty TNHH Cấp nước Yên Lập - Quảng Ninh (*)	-	-	-	882.000.000	882.000.000	-
Công ty CP Nước, Môi trường và HTKT Sài Gòn	1.855.800.000	1.855.800.000	-	1.855.800.000	1.855.800.000	-
Công ty CP TV và ĐTXD Hạ tầng Phương Đông	1.385.860.000	1.385.860.000	-	1.385.860.000	1.385.860.000	-
Công ty CP TV và ĐTXD Hạ tầng Lạc Việt	934.089.605	934.089.605	-	934.089.605	934.089.605	-
Đầu tư dài hạn khác	2.375.000.000	2.219.108.093	(155.891.907)	2.375.000.000	2.219.216.530	(155.783.470)
Công ty CP BĐS Lilama Land	375.000.000	375.000.000	-	375.000.000	375.000.000	-
Công ty CP BĐS An Việt	2.000.000.000	1.844.108.093	(155.891.907)	2.000.000.000	1.844.216.530	(155.783.470)
Tổng	6.550.749.605	6.394.857.698	(155.891.907)	7.432.749.605	7.276.966.135	(155.783.470)

(*) Theo Nghị quyết số 16/NQ-HĐQT-VIWASE ngày 12/12/2017 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Nước và Môi trường Việt Nam về việc chuyển nhượng phần vốn góp của Công ty tại Công ty TNHH cấp nước Yên Lập cho Công ty Cổ phần nước sạch Quảng Ninh với giá chuyển nhượng là 1,2 lần vốn đầu tư thực góp: 882.000.000 VND x 1,2 = 1.058.400.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.11 Đầu tư tài chính dài hạn (Tiếp theo)

Chi tiết khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ % sở hữu	Tỷ lệ % quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty CP Nước, Môi trường và HTKT Sài Gòn	Số 179 Đinh Tiên Hoàng, phường Dakao, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh	48,81%	48,81%	Tư vấn
Công ty CP TV và ĐTXD Hạ tầng Phương Đông	Số 9 Đường Thành, phường Cửa Đông, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội	48,97%	48,97%	Tư vấn
Công ty CP TV và ĐTXD Hạ tầng Lạc Việt	Số 9 Đường Thành, phường Cửa Đông, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội	44,48%	44,48%	Tư vấn

5.12 Các khoản phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2018 (VND)		01/01/2018 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả người bán ngắn hạn	2.774.757.792	2.774.757.792	5.287.471.869	5.287.471.869
Ban QLDA ĐT&XD huyện Cần Giờ	171.999.520	171.999.520	171.999.520	171.999.520
Công ty CP Tư vấn ĐTXD Việt Vương	258.254.804	258.254.804	347.875.663	347.875.663
CN Công ty CP Khảo sát và Xây dựng - USCO tại Miền Trung	-	-	970.966.000	970.966.000
Công ty TNHH Công nghệ Nhiệt đới	-	-	1.008.330.350	1.008.330.350
Công ty CP TVKT Giao thông Bình Định	-	-	1.674.434.300	1.674.434.300
Công ty CP Tư vấn và cấp thoát nước môi trường	1.182.112.767	1.182.112.767	-	-
Công ty TNHH TVXD Meinhart Việt Nam	663.804.164	663.804.164	-	-
Các đối tượng khác	498.586.537	498.586.537	1.113.866.036	1.113.866.036
Phải trả người bán là các bên liên quan	1.160.316.626	1.160.316.626	329.127.456	329.127.456
Công ty CP Nước, Môi trường và HTKT Sài Gòn	1.059.732.238	1.059.732.238	329.127.456	329.127.456
Công ty CP Đầu tư CNMT và HTKT Lạc Việt	100.584.388	100.584.388	-	-
Tổng	3.935.074.418	3.935.074.418	5.616.599.325	5.616.599.325

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.13 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Ban QL ĐTXD Công trình Giao thông Đô thị thành phố	136.140.806	3.099.923.544
Công ty CP Cấp nước Cửa Lò	-	3.189.279.538
Công ty TNHH MTV cấp nước Hải Phòng	-	2.393.444.244
BQL Trung ương các dự án Thủy Lợi	1.149.732.152	642.389.596
Ban QLDA GM SII Thành phố Móng Cái	2.455.000.000	650.000.000
Công ty CP Mặt nước Sông Đuống	872.677.500	1.188.495.000
Ban QLDA ĐTXD số 2 thành phố Bắc Giang	4.000.000.000	-
Các đối tượng khác	7.091.857.192	6.154.247.504
Tổng	15.705.407.650	17.317.779.426

5.14 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước*Đơn vị tính: VND*

Chỉ tiêu	01/01/2018		Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2018	
	Số phải thu	Số phải nộp			Số phải thu	Số phải nộp
Thuế Giá trị gia tăng	-	305.667.199	5.919.735.495	6.240.484.490	15.081.796	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	564.821.170	1.303.481.528	1.910.821.170	42.518.472	-
Thuế thu nhập cá nhân	33.290.831	-	1.819.917.203	2.180.214.814	393.588.442	-
Thuế khác, phí và lệ phí	-	-	4.000.000	4.000.000	-	-
Tổng	33.290.831	870.488.369	9.047.134.226	10.335.520.474	451.188.710	-

5.15 Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Chi phí thầu phụ	520.471.750	154.000.000
Tổng	520.471.750	154.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.16 Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
BHXH, BHYT, BHTN	-	-
Phải trả về nhận khoản	19.617.396.289	12.175.643.905
Phải trả khác các cá nhân trong Công ty, các cổ đông	2.520.000.000	2.880.440.000
Phải trả khác	604.253.200	82.105.266
Tổng	22.741.649.489	15.138.189.171

5.17 Vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư ngày 01/01/2017	36.000.000.000	28.754.235	5.580.149.036	10.974.192.648	52.583.095.919
Tăng trong năm					
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	18.991.565.621	18.991.565.621
Trích lập các quỹ	-	-	2.000.000.000	-	2.000.000.000
Giảm trong năm					
Chia cổ tức	-	-	-	(5.040.000.000)	(5.040.000.000)
Trích lập các quỹ	-	-	-	(4.100.000.000)	(4.100.000.000)
Số dư ngày 31/12/2017	36.000.000.000	28.754.235	7.580.149.036	20.825.758.269	64.434.661.540
Tăng trong năm					
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	5.744.159.658	5.744.159.658
Trích lập các quỹ	-	-	6.500.000.000	-	6.500.000.000
Giảm trong năm (*)					
Chia cổ tức	-	-	-	(10.800.000.000)	(10.800.000.000)
Quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	(6.500.000.000)	(6.500.000.000)
Quỹ khen thưởng Ban điều hành, Quỹ phúc lợi	-	-	-	(1.850.000.000)	(1.850.000.000)
Số dư ngày 31/12/2018	36.000.000.000	28.754.235	14.080.149.036	7.419.917.927	57.528.821.198

Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Cổ đông	Số lượng cổ phiếu	Số tiền (VND)	Tỷ lệ %	Vốn đã ghi nhận (VND)	
				31/12/2018	1/1/2018
Tổng Công ty Tư vấn xây dựng Việt Nam - CTCP	1.272.600	12.726.000.000	35,35%	12.726.000.000	12.726.000.000
Các cổ đông khác	2.327.400	23.274.000.000	64,65%	23.274.000.000	23.274.000.000
Tổng	3.600.000	36.000.000.000	100%	36.000.000.000	36.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.17 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối lợi nhuận

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại ngày đầu năm	36.000.000.000	36.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại ngày cuối năm	36.000.000.000	36.000.000.000
Chia cổ tức, trích lập các quỹ	19.150.000.000	9.140.000.000
<i>Cổ tức được chia trong năm:</i>	<i>10.800.000.000</i>	<i>5.040.000.000</i>
<i>Trích Quỹ đầu tư phát triển</i>	<i>6.500.000.000</i>	<i>2.000.000.000</i>
<i>Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi</i>	<i>1.500.000.000</i>	<i>1.800.000.000</i>
<i>Trích Quỹ khen thưởng Ban điều hành</i>	<i>350.000.000</i>	<i>300.000.000</i>

5.18 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Tư vấn, khảo sát thiết kế	122.950.735.677	140.510.237.535
Xây lắp, cung cấp vật tư, phân tích mẫu nước	6.845.793.709	3.114.985.244
Kinh doanh nước sạch	408.025.300	334.575.622
Tổng	130.204.554.686	143.959.798.401

5.19 Giá vốn hàng bán

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Tư vấn, khảo sát thiết kế	107.531.344.569	121.898.612.791
Xây lắp, cung cấp vật tư, phân tích mẫu nước	6.510.090.330	3.023.023.006
Kinh doanh nước sạch	647.493.603	670.928.366
Tổng	114.688.928.502	125.592.564.163

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.20 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	928.388.996	1.196.690.842
Cổ tức, lợi nhuận được chia	579.649.000	809.487.000
Chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	93.574.594	3.385.230
Lợi nhuận bán cổ phần Công ty ĐTPT An Việt	-	15.846.000.000
Lợi nhuận bán cổ phần Công ty cấp nước Yên Lập - Quảng Ninh	176.400.000	-
Doanh thu tài chính khác	1.050	1.950
Tổng	1.778.013.640	17.855.565.022
	-	-

5.21 Chi phí hoạt động tài chính

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	108.437	(19.882.100)
Chi phí bán cổ phần Công ty ĐTPT An Việt	-	42.727.273
Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	1.415.455	155.453
Chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	156.304.590	55.048
Tổng	157.828.482	23.055.674

5.22 Thu nhập khác và chi phí khác

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Thu nhập khác	595.782.631	768.558.192
Thu từ chấm dứt hợp đồng lao động	3.000.000	7.000.000
Thu nhập từ cho thuê văn phòng, thuê thang máy và chi phí sử dụng chung	592.044.686	728.076.375
Thu nhập khác	737.945	33.481.817
Chi phí khác	-	71.690.334
Tiền phạt thuế	-	71.690.334
Lợi nhuận khác:	595.782.631	696.867.858
	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.23 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	7.047.641.186	23.567.046.723,0
Điều chỉnh tăng	49.415.455	119.845.787
<i>Thù lao HĐQT không tham gia điều hành</i>	<i>48.000.000</i>	<i>48.000.000</i>
<i>Tiền phạt</i>	<i>-</i>	<i>71.690.334,0</i>
<i>Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện</i>	<i>1.415.455</i>	<i>155.453,0</i>
Điều chỉnh giảm	(579.649.000)	(809.487.000)
<i>Cổ tức được chia</i>	<i>(579.649.000)</i>	<i>(809.487.000)</i>
Thu nhập chịu thuế	6.517.407.641	22.877.405.510
Thuế suất	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	1.303.481.528	4.575.481.102

5.24 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	5.744.159.658	18.991.565.621
Trích lập các quỹ	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	5.744.159.658	18.991.565.621
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (CP)	3.600.000	3.600.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)	1.596	5.275

5.25 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Chi phí nguyên vật liệu	912.791.618	638.764.123
Chi phí nhân công	51.471.420.643	64.668.838.228
Khấu hao TSCĐ	831.112.375	704.736.567
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.003.140.607	7.176.790.181
Chi phí khác bằng tiền	44.108.045.335	46.793.315.928
Tổng:	104.326.510.578	119.982.445.027

6. THÔNG TIN KHÁC

6.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Bên liên quan	Nội dung giao dịch	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Thành viên HĐQT, Ban TGD và Ban Kiểm soát	Luong và thù lao	1.812.430.000	1.933.574.000
Giao dịch với bên liên quan			
Bên liên quan	Nội dung giao dịch	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Mua hàng			
Công ty CP Nước, Môi trường và HTKT Sài Gòn	Thầu phụ	3.621.136.300	3.722.670.079
Công ty CP Tư vấn và Đầu tư xây dựng hạ tầng Phuong Đông	Thầu phụ	-	113.636.364
Công ty CP Tư vấn và Đầu tư xây dựng hạ tầng Lạc Việt	Thầu phụ	1.521.201.249	327.000.000
Bán hàng, cung cấp dịch vụ			
Công ty CP Tư vấn và Đầu tư xây dựng hạ tầng Phuong Đông	Chi phí sử dụng chung và thuê thang máy	126.028.835	318.228.762
Công ty CP Tư vấn và Đầu tư xây dựng hạ tầng Lạc Việt	Chi phí sử dụng chung và thuê thang máy	98.817.770	331.906.463
Công ty CP Nước, Môi trường và HTKT Sài Gòn		-	168.471.769
Số dư với các bên liên quan		31/12/2018	01/01/2018
Bên liên quan	Nội dung giao dịch	VND	VND
Các khoản phải thu			
Công ty CP Tư vấn và Đầu tư xây dựng hạ tầng Phuong Đông	Chi phí sử dụng chung và thuê thang máy	262.493.182	226.868.475
Công ty CP Tư vấn và Đầu tư xây dựng hạ tầng Lạc Việt	Chi phí sử dụng chung và thuê thang máy	375.781.150	275.992.204
Công ty CP Tư vấn và Đầu tư xây dựng hạ tầng Lạc Việt	Thầu phụ các hợp đồng tư vấn	204.778.664	416.798.588
Các khoản phải trả			
Công ty CP Tư vấn và Đầu tư xây dựng hạ tầng Lạc Việt	Thầu phụ	100.584.388	-
Công ty CP Nước, Môi trường và HTKT Sài Gòn	Thầu phụ	1.059.732.238	253.329.547

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

6.2 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam với ý kiến chấp nhận toàn phần.

Hà Nội, ngày 18 tháng 03 năm 2019

Người lập

Lê Thị Thu Hương

Kế toán trưởng

Ngô Lan Phương

Tổng Giám đốc

Lê Văn Tuấn

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

Phụ lục I: TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2018

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Số còn phải nộp đầu kỳ	Số phát sinh trong kỳ năm 2018		Số còn phải nộp cuối kỳ
		Số phải nộp	Số đã nộp	
I. Thuế	1.142.864.737	9.047.134.226	10.335.520.474	(451.188.710)
1. Thuế GTGT	305.667.199	5.919.735.495	6.240.484.490	(15.081.796)
Trong đó:				
-Thuế GTGT tại Cục thuế TP Hà Nội	305.667.199	5.764.569.741	6.084.999.976	(14.763.036)
-Thuế GTGT vãng lai tại các Chi cục thuế tỉnh ngoài	-	155.484.514	155.484.514	-
-Thuế GTGT tại Chi cục thuế Quận Phú Nhuận, TP HCM	-	(318.760)	-	(318.760)
2. Thuế TNDN	564.821.170	1.303.481.528	1.910.821.170	(42.518.472)
3. Thuế môn bài		4.000.000	4.000.000	
Trong đó:				
-Thuế môn bài tại Cục thuế TP Hà Nội		3.000.000	3.000.000	
-Thuế môn bài tại Chi cục thuế quận Phú Nhuận TP HCM		1.000.000	1.000.000	
4. Thuế thu nhập cá nhân	(33.290.831)	1.819.917.203	2.180.214.814	(393.588.442)
5. Thuế khác				
Tổng cộng	1.142.864.737	9.047.134.226	10.335.520.474	(451.188.710)

Người lập



Lê Thị Thu Hương

Kế toán trưởng



Ngô Lan Phương

Hà Nội, ngày 18 tháng 03 năm 2019

Tổng Giám đốc



Lê Văn Tuấn

**Phụ lục số II: CHI TIẾT CÁC KHOẢN CHI PHÍ CHO PHÂN DỊCH VỤ TƯ VẤN, KHẢO SÁT,
THIẾT KẾ**

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
1. Lương		
Tại Văn phòng Công ty	4.256.651.000	4.972.223.000
Tại các đơn vị sản xuất	43.997.258.621	55.832.904.436
Tổng:	48.253.909.621	60.805.127.436
2. Chi phí chung		
Tại Văn phòng Công ty	6.427.301.787	8.357.341.721
Tại các đơn vị sản xuất	63.534.085.948	66.065.708.355
Tổng:	69.961.387.735	74.423.050.076

Người lập

Lê Thị Thu Hương

Kế toán trưởng

Ngô Lan Phương

Hà Nội, ngày 18 tháng 03 năm 2019

Tổng Giám đốc



Lê Văn Tuấn

Số: 02/2019/UQ-CPA VIETNAM

Ngày 02 tháng 01 năm 2019

GIẤY ỦY QUYỀN*(Về việc ký các Văn bản, Hợp đồng và Báo cáo chuyên ngành)*

- Căn cứ Bộ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 của Nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam được Quốc hội thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2015 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc Hội Nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Bộ Luật lao động số 10/2012/QH13 đã được Quốc Hội Nước Cộng hòa xã Hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 18/06/2012 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Điều lệ Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM và các sửa đổi, bổ sung đến thời điểm hiện tại;
- Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM.

Tôi tên là **Nguyễn Phú Hà - Chủ tịch HĐQT**, số Căn cước Công dân: 026072001408 do Cục Cảnh sát ĐKQLCư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 07/11/2016, là Người đại diện theo pháp luật của **Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM**, địa chỉ: Tầng 8, Cao ốc Văn phòng VG Building, số 235 Nguyễn Trãi, quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội, Việt Nam. Bằng Văn bản này ủy quyền cho: **Ông Phan Thanh Nam - Phó Tổng Giám đốc, Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM**, số Chứng minh thư nhân dân: 013564385 do Công an Hà Nội cấp ngày 25/06/2012, thực hiện các công việc cụ thể như sau:

- Ký các Văn bản, Hồ sơ chào hàng, chào phí, Hồ sơ quan tâm, Hồ sơ dự thầu, Hồ sơ làm rõ Hồ sơ quan tâm hoặc Hồ sơ dự thầu các dịch vụ chuyên ngành tài chính;
- Tham gia thương thảo, ký Biên bản thương thảo Hợp đồng, Hợp đồng hoặc thư thỏa thuận cung cấp các dịch vụ chuyên ngành tài chính;
- Ký các Báo cáo kiểm toán, Báo cáo kết quả công tác soát xét, Báo cáo tư vấn, Biên bản hoặc Hồ sơ tư vấn định giá.

Người được Ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của **Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM** và không được ủy quyền lại cho bên thứ 3. **Ông Phan Thanh Nam** chịu hoàn toàn trách nhiệm trước Công ty và Pháp luật về những công việc do mình thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

Giấy Ủy quyền có hiệu lực từ ngày 02 tháng 01 năm 2019 đến ngày 31 tháng 12 năm 2019. Giấy Ủy quyền này được lập thành 05 bản có giá trị pháp lý ngang nhau, người ủy quyền giữ 01 bản, người được ủy quyền giữ 01 bản, 03 bản lưu tại bộ phận Văn thư lưu trữ của Công ty.

**NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC****Phan Thanh Nam****ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CHỦ TỊCH HĐQT****Nguyễn Phú Hà**